

Bản án số: 47/2025/DSPT

Ngày 31/7/2025

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phúc An Hoàn,

Các Thẩm phán: Ông Bàn Văn Thế và ông Triệu Ngọc Thúc.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Hồng Phong - Thẩm tra viên, Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà: Bà Đào Thị Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 18/2025/TLPT-DS ngày 23 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST, ngày 10/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 32/2025/QĐ-PT, ngày 09 tháng 6 năm 2025; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên toà xét xử phúc thẩm số 69/TB- TA ngày 25 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 70/2025/QĐ-PT ngày 07/7/2025; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 72/2025/QĐ-PT ngày 17/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Đỗ Thị H**, sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (*nay thuộc thôn B, xã H, tỉnh Tuyên Quang*).

2. Bị đơn: Anh **Chu Quang H1**, sinh năm 1981 và chị **Hoàng Thị N**, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (*nay thuộc thôn P, xã H, tỉnh Tuyên Quang*).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Hoàng Thị N: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1998; Địa chỉ: Xóm G, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (*nay thuộc xóm G, xã H, tỉnh Nghệ An*).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn anh Chu Quang H1, chị Hoàng Thị N: Ông Lưu Bình D, Luật sư - Văn phòng L, Đoàn Luật sư tỉnh T. Địa chỉ: Số A, ngõ E, đường X (tổ B), phường P, tỉnh Thái Nguyên.

Người kháng cáo: Bị đơn anh Chu Quang H1, chị Hoàng Thị N.

Các đương sự; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Hoàng Thị N; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, Luật sư Lưu Bình D: Đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tranh tụng tại phiên tòa nguyên đơn chị Đỗ Thị H trình bày như sau: Chị và anh Chu Quang H1 và chị Hoàng Thị N biết nhau thông qua chị Ma Thị Thúy T, địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang ở gần nhà anh chị H. Ban đầu chị không biết anh chị H1 N1 là ai, thông qua chị T thì chị mới biết và cho anh chị H1 N1 vay tiền.

Chị cho anh chị H1 N1 vay tiền 3,4 lần (Cụ thể thì chị không nhớ rõ) nhưng đến ngày 30/12/2020 thì các bên chốt lại số nợ là 592.000.000đ (Năm trăm chín mươi hai triệu đồng), sau đó thì không vay nữa. Anh H1, chị N1 có hẹn đến ngày 01/9/2021 sẽ thanh toán. Tuy nhiên đến hạn mà anh H1, chị N1 không trả tiền cho chị nên chị làm đơn khởi kiện anh H1, chị N1 ra Tòa án, yêu cầu trả tổng số nợ gốc và lãi là 814.320.000đ (Tám trăm mười bốn triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng). Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/11/2024, chị yêu cầu anh H1, chị N1 trả nợ tổng số tiền cả gốc và lãi là 772.939.000đ (Bảy trăm bảy mươi hai triệu, chín trăm ba mươi chín nghìn đồng).

Quá trình vay thì anh chị H1 N1 mới trả được cho chị 2 lần tiền, 1 lần là 10.000.000đ (mười triệu đồng) vào ngày 12/9/2022 và 1 lần là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) vào ngày 23/9/2023 thông qua chị T. Chị xác định đây là số tiền trả vào nợ gốc nên chị thay đổi yêu cầu khởi kiện của mình.

Nay chị yêu cầu anh chị H1 N1 phải trả cho chị số tiền cụ thể như sau:

- Nợ gốc là 542.000.000đ (Năm trăm bốn mươi hai triệu đồng).
- Tiền lãi từ ngày 02/9/2021 đến ngày 12/9/2022 (12 tháng 10 ngày) là:
 $592.000.000đ \times 0.83\%/tháng \times 12 tháng 10 ngày = 60.928.000đ$.
- Tiền lãi từ ngày 13/9/2022 đến ngày 23/9/2023 (12 tháng 10 ngày):
 $582.000.000 \times 0.83\%/tháng \times 12 tháng 10 ngày = 59.577.000đ$.
- Tiền lãi từ ngày 24/9/2023 đến ngày 10/4/2025 (18 tháng 16 ngày) là:
 $542.000.000 \times 0.83 \%/tháng \times 18 tháng 16 ngày = 83.373.000đ$.

Tổng cộng cả gốc và lãi là: 542.000.000đ + 60.928.000đ + 59.577.000đ + 83.373.000đ = 745.878.000đ (*Bảy trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn đồng*).

Chị có trình bày bổ sung về việc trong giấy khất nợ có ghi “H N3”. Chị tên là Đỗ Thị H, còn chồng chị là Phạm Văn N2, mọi người thường hay gọi tên là H N3, theo tên chồng. Việc chị cho anh chị H1 N vay tiền là do 1 mình chị cho vay, không liên quan gì đến chồng chị nên đề nghị Toà án không đưa chồng chị vào tham gia tố tụng tại Toà án.

Tại phiên toà, chị H yêu cầu anh H1, chị N1 phải chịu toàn bộ tiền chi phí giám định mà chị đã tạm nộp để thực hiện giám định chữ ký, chữ viết trong Giấy khất nợ ngày 30/12/2020 theo quy định của pháp luật.

Tại Bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Chu Quang H1 trình bày:

Anh không biết chị Đỗ Thị H là ai. Năm 2019, anh có nhờ chị Ma Thị Thúy T vay tiền hộ 2 lần, mỗi lần 50.000.000đ (Năm mươi triệu) chuyển khoản qua tài khoản của anh và vợ anh. Đến tháng 9 năm 2020, anh tiếp tục nhờ chị T vay thêm cho anh 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), chị T đưa tiền mặt cho anh tại phòng làm việc của chị T. Sau đó thì chị T mới nói cho anh biết là vay hộ tiền cho anh từ chị H N3. Anh không biết chị H N3 là ai. Chị H N3 có đòi chị T thì chị T bảo anh phải viết giấy vay tiền, tổng số tiền vay là 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu). Giấy vay tiền này anh đưa cho chị T. Đến ngày 30/12/2020 chị T gọi anh về trả tiền cho chị H N3 nhưng vì anh khó khăn không có khả năng trả nợ nên chị T bảo anh viết Giấy khất nợ. Nội dung giấy khất nợ là do chị T đọc và anh viết theo. Khi đó tâm trạng lo âu, hoảng sợ vì bố anh đang bị bệnh tim nên anh viết. Khi viết Giấy khất nợ chỉ có anh và chị T, không có vợ anh là chị N1. Đối với số tiền 592.000.000đ (Năm trăm chín mươi hai triệu đồng) trong giấy không đúng số tiền thực tế anh vay. Anh thừa nhận giấy khất nợ là do anh viết và ký sau đó đưa cho chị T cầm.

Đối với B tự khai của chị Ma Thị Thúy T anh thấy nội dung và số tiền là không đúng.

Vì vậy trước yêu cầu khởi kiện của chị H, anh không đồng ý.

Tại Bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn chị Hoàng Thị N trình bày:

Chị nhất trí với ý kiến của chồng chị là anh Chu Quang H1. Chị bổ sung thêm về Giấy khất nợ có chữ ký của chị: Khi anh H1 viết Giấy khất nợ với chị T thì chị không có mặt, không có được ký vào giấy. Chị khẳng định chữ ký và chữ viết phần Vợ thừa kế không phải chữ viết, chữ ký của chị.

Đối với số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) mà chị trả, chị thừa nhận là chị có trả số tiền này vào ngày 12/9/2022 và vào ngày 23/9/2023 cho chị H. Chị trả số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) ngày 12/9/2022 là khi chị T hẹn chị đến nhà chị H trả tiền, khi trả chị có được chị H đưa cho 1 tờ giấy gấp đôi và ký nhận trả nợ 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Còn đối với số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) trả ngày 23/9/2023 chị T bảo đưa cho chị T. Chị khẳng định trả tổng số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu) này là vào số tiền gốc chứ không trả lãi. Tiền lãi chị trả 1 số lần và đều ghi vào sổ của chị H.

Nay, trước yêu cầu khởi kiện của chị H, chị không đồng ý.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh, lấy lời khai của chị Ma Thị Thúy T, cụ thể như sau:

Vào khoảng đầu năm 2019, chị không nhớ rõ thời gian cụ thể (do thời gian đã lâu), có chị Hoàng Thị N con dâu nhà ông bà H H2 ở gần nhà chị (chồng tên là H1) điện thoại cho chị rất nhiều lần để hỏi vay tiền với lý do chồng chị N làm ăn thua lỗ trên Hà Giang nợ nhiều, nếu không trả thì bọn “xã hội đen” sẽ chém và giữ người. Chị trả lời “*chị không có tiền đâu*”. Sau đó mấy ngày, chị N tiếp tục điện thoại và nói với chị “*chị biết ai có tiền không chị vay hộ em với nếu không có trả họ sẽ chém chồng em chết*”, chị trả lời “*chị không biết ai có tiền cho vay đâu*”, chị N tiếp tục điện thoại nài nỉ nhờ chị xem có ai cho chị N vay tiền không?

Bản thân chị do có quen biết chị N là người về làm dâu nhà ông bà H H2 và khi thấy chị N hỏi quá nhiều lần với lý do như trên, lúc đó chị thấy thương cảm, nên có bảo với chị N là “*chị có người bạn, em hỏi xem thế nào*”, sau đó chị có cho số điện thoại của chị Đỗ Thị H nhà ở khu C, thị trấn T, huyện H (là bạn của chị) để chị N tự liên hệ. Chị không biết chị N và chị H trao đổi gì với nhau, chỉ thấy mấy ngày sau đó, chị N điện thoại nói với chị rằng “*chị H bảo không biết em là ai, em muốn vay tiền chị thì phải đến trực tiếp, em bảo với chị H là em đang ở Hà Giang không về được thì chị H nói: Em xem có ai thân quen thì bảo họ ra gặp chị thì chị cho vay*”, nói rồi chị N năn nỉ nhờ chị giúp chị N ra nhà chị H để lấy tiền mà chị N đã hỏi vay của chị H. Vì thương hoàn cảnh của chị N nên chị đã ra nhà chị H nói lại với chị H về việc chị N nhờ chị ra gặp chị H để lấy tiền do chị N đã hỏi vay, chị H nhất trí và đưa cho chị số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu đồng chẵn). Sau đó, chị có gọi và báo cho chị N về việc chị H đã cho chị N vay 70.000.000đ thì chị N bảo “*anh H1 chồng em đang chở khách đi Tuyên Quang, tý anh ấy qua lấy*”. Sau đó, chị không nhớ thời gian cụ thể, anh H1 chồng chị N đã gặp chị để lấy số tiền này, chị có yêu cầu anh H1

viết giấy biên nhận đã vay số tiền 70.000.000 đồng của chị H, anh H1 đã viết giấy và nhận đủ số tiền trên, tờ giấy này sau đó chị đã đưa cho chị H cầm.

Ngoài lần chị N nhờ chị lấy hộ số tiền 70.000.000 đồng mà chị N đã vay của chị H thì chị N còn nhờ chị 3 lần nữa qua nhà chị H lấy giúp chị N tiền mà chị N đã vay của chị H, những lần này chị N đều nói với chị “*em hỏi vay tiền chị H rồi, chị H đã nhất trí, em bận không về được, chị qua lấy tiền chỗ chị H, rồi chuyển khoản cho em. Còn giấy nợ em khác viết với chị H*”, do lúc đó vợ chồng chị N đang ở Hà Giang nên chị đã nhất trí hộ chị N sang nhà chị H, chị có hỏi thì chị H xác nhận là chị N đã hỏi vay tiền của chị H, chị đã lấy tiền của chị H rồi chuyển tiền vào tài khoản của chị N và cả anh H1 (tổng cộng 03 lần với số tiền là 150 triệu đồng). Sau đó chị không biết chị N, anh H1 đã gặp và trao đổi gì với chị H. Chị chỉ nhớ có một lần chị N sang trả nợ cho chị H, vì chị H không có nhà nên chị N có nhờ chị chuyển khoản trả cho chị H, với số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu đồng chẵn) cho chị H. Còn vấn đề vay nợ phát sinh thêm giữa 2 người có hay không thì bản thân chị không biết. Vấn đề viết giấy vay nợ giữa chị H và vợ chồng chị N bản thân chị không biết và không có liên quan.

Quá trình giải quyết vụ án, về chứng cứ đương sự cung cấp cho Tòa án.

Nguyên đơn chị H cung cấp các tài liệu chứng cứ sau đây:

- 01 Căn cước công dân mang tên Đỗ Thị H (bản sao);
- 01 Chứng minh nhân dân mang tên Chu Quang H1 (bản sao);
- 01 Giấy khất nợ mang tên Chu Quang H1 và Hoàng Thị N lập ngày 30/12/2020 (Bản chính);
- 01 Giấy xác nhận thông tin nơi cư trú (bản phô tô);

Bị đơn anh H1 và chị N cung cấp: 02 Căn cước công dân mang tên Chu Quang H1 và Hoàng Thị N (bản phô tô).

Ngoài ra các đương sự không ai cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác.

Ngày 14/02/2025 chị H có đơn đề nghị Toà án giám định chữ viết. Ngày 18/02/2025, Toà án đã tiến hành trưng cầu giám định tại Phòng K Công an tỉnh T, kết quả như sau:

“1. Chữ viết phần nội dung; chữ ký, chữ viết trên mẫu giám định ký hiệu A1; chữ ký, chữ viết đứng tên Chu Quang H1 và Hoàng Thị N trên các mẫu giám định ký hiệu M1, M2, M3, M4 là chữ viết, chữ ký trực tiếp.

2. Chữ viết phần nội dung; chữ ký, chữ viết ghi tên Chu Quang H1 trên mẫu giám định ký hiệu A1 (trừ chữ viết “Vợ thừa kế”, “Ngày 12/9/2022...(Mười triệu đồng chẵn)”, “Ngày 23/9/2023...40.000.000”; chữ ký, chữ viết ghi tên Hoàng Thị N dưới mục “Vợ thừa kế” và tại góc dưới bên trái) với chữ viết, chữ

ký đứng tên Chu Quang H1 trên mẫu giám định ký hiệu M1, M2, M3 là do cùng một người viết và ký.

3. Chữ viết “Vợ thừa kế”; chữ ký, chữ viết ghi tên Hoàng Thị N dưới mục “Vợ thừa kế” và tại góc dưới bên trái trên mẫu giám định ký hiệu A1 với chữ viết, chữ ký đứng tên Hoàng Thị N trên mẫu so sánh ký hiệu M2, M3, M4 là do cùng một người viết và ký.

4. Chữ viết “Ngày 12/9/2022...(Mười triệu đồng chẵn)”, “Ngày 23/9/2023...40.000.000” trên mẫu giám định ký hiệu A1 với chữ viết đứng tên Chu Quang H1, Hoàng Thị N trên các mẫu giám định ký hiệu M1, M2, M3, M4 không phải do cùng một người viết.

5. Không đủ cơ sở kết luận chữ viết “Vợ thừa kế”; chữ ký, chữ viết ghi tên Hoàng Thị N trên mẫu giám định ký hiệu A1 có cùng thời gian với chữ viết, chữ ký đứng tên Chu Quang H1 hay không”.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đã hòa giải cho các bên đương sự nhiều lần, nhưng không thành. Các bên đương sự cùng đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ; hòa giải không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST, ngày 10/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 161, 227, 235, 244, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị H: Buộc anh Chu Quang H1 và chị Hoàng Thị N có nghĩa vụ trả cho chị Đỗ Thị H tổng số tiền: 746.370.000đ (*Bảy trăm bốn mươi sáu triệu, ba trăm bảy mươi nghìn đồng*), trong đó: số tiền nợ gốc 542.000.000đ (*Năm trăm bốn mươi hai triệu đồng*) và tiền lãi là 204.370.000đ (*Hai trăm linh tư triệu, ba trăm bảy mươi nghìn đồng*). Cụ thể:

Anh Chu Quang H1 phải trả cho chị Đỗ Thị H tổng số tiền là 373.185.000đ (*Ba trăm bảy mươi ba triệu, một trăm tám mươi lăm nghìn đồng*), trong đó nợ gốc là 271.000.000đ (*Hai trăm bảy mươi mốt triệu đồng*), nợ lãi là 102.185.000đ (*Một trăm linh hai triệu, một trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

Chị Hoàng Thị N phải trả cho chị Đỗ Thị Hương H tổng số tiền là 373.185.000đ (*Ba trăm bảy mươi ba triệu, một trăm tám mươi lăm nghìn đồng*), trong đó nợ gốc là 271.000.000đ (*Hai trăm bảy mươi mốt triệu đồng*), nợ lãi là 102.185.000đ (*Một trăm linh hai triệu, một trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, thực hiện trả lãi trên số tiền chậm thi hành án của bị đơn; hoàn trả tiền nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, tiền chi phí giám định cho nguyên đơn và quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/4/2025, Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên ban hành Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số: 01/2025/QĐ-SCBA, sửa chữa bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 10/4/2025 như sau:

Tại dòng thứ 21 từ trên xuống, trang số 10 của bản án đã ghi: “Chị Hoàng Thị N phải trả cho chị Đỗ Thị Hương H tổng số tiền”

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “Chị Hoàng Thị N phải trả cho chị Đỗ Thị H tổng số tiền”.

Tại dòng thứ 03 từ trên xuống, trang số 10 của Bản án đã ghi: “tiền tạm ứng án phí số 0002861, ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án”

Ngay sửa chữa, bổ sung như sau: “tiền tạm ứng án phí số 0002861, ngày 13/11/2024 (nộp theo hình thức trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia ngày 12/11/2024) của Chi cục Thi hành án”.

Ngày 17/4/2025, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của bị đơn anh Chu Quang H1 kháng cáo không đồng ý với toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 10/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, có nhiều điểm chưa được xem xét đầy đủ, khách quan, đúng pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang chấp nhận đơn kháng cáo; Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, giải quyết lại vụ án theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của anh chị.

Ngày 25/4/2025, bị đơn chị Hoàng Thị N gửi đơn kháng cáo bản án qua dịch vụ bưu chính đến Tòa án không đồng ý với toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 10/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, có nhiều điểm chưa được xem xét đầy đủ, khách quan, đúng pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang chấp nhận đơn kháng cáo; Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, giải quyết lại vụ án theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của anh chị.

Tại cấp phúc thẩm ngày 09/6/2025 bị đơn chị Hoàng Thị N và anh Nguyễn Văn S ký hợp đồng ủy quyền: Anh Nguyễn Văn S là người đại diện theo ủy quyền cho chị N tại giai đoạn xét xử phúc thẩm.

Anh Chu Quang H1, chị Hoàng Thị N có đơn mời Luật sư tham gia tố tụng, ngày 07/7/2025, Tòa án cấp Giấy xác nhận cho Luật sư Lưu Bình D tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Chu Quang H1, chị Hoàng Thị N tại cấp phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bị đơn anh Chu Quang H1 và chị Hoàng Thị N trình bày giữ nguyên nội dung kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm Huỷ bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 10/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang giải quyết lại vụ án theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của anh, chị.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị N, đề nghị Hội đồng xem xét huỷ bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 10/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang do có thiếu sót cấp sơ thẩm không thu thập tài liệu, đánh giá chứng cứ chưa đúng và giao về cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo đúng quy định pháp luật.

Luật sư người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày ý kiến tranh luận: Nhất trí nội dung kháng cáo bản án của bị đơn. Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, các biên bản tại cấp sơ thẩm có căn cứ xác định bản án sơ thẩm có các vi phạm nghiêm trọng như: *Thứ nhất*: Vi phạm trong việc xác định thiếu người tham gia tố tụng. Chị Ma Thị Thúy T là người là người liên quan trực tiếp đến nội dung vụ án và quan hệ vay tiền, chị T khai nhận đưa tiền cho anh H1, chị N nguồn tiền cho vay là của chị H nhưng cấp sơ thẩm không đưa chị T tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan hoặc người làm chứng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng không thể khắc phục được. *Thứ hai*: Là vi phạm về xác định thu thập chứng cứ chủ yếu trong vụ án. Cấp sơ thẩm không làm rõ tổng số tiền được vay bao nhiêu để xác định bản chất tranh chấp mà chỉ dựa trên Giấy khất nợ không phải là tài liệu chốt nợ, không có cơ sở xác định và kết luận số tiền vay, giải quyết như án sơ thẩm. *Thứ ba*: Chưa làm rõ ai cho ai vay tiền trong vụ án do Tòa án giải quyết, cụ thể là chị H cho chị T vay hay là chị T đưa tiền của chị cho chị H vay rồi để cho chị N anh H1 vay lại, cấp sơ thẩm kết luận tổng số tiền vay là không có cơ sở. *Thứ tư*: Thu thập thiếu chứng cứ, trong đó các nguồn chứng cứ đã đầy đủ và có cơ sở xác định. Các bản khai của chị T, chị H có nêu việc chị N gọi điện hỏi vay tiền chị H, bên bị đơn không thừa nhận nhưng cấp sơ thẩm không yêu cầu bên khởi kiện và chị T cung cấp bản sao cuộc gọi thoại để chứng minh có hay không việc liên lạc giữa chị N với

chị H, vì nghĩa vụ chứng minh thuộc về nguyên đơn. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Anh Chu Quang H1, chị Hoàng Thị N nhất trí với nội dung trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, không bổ sung thêm ý kiến.

Nguyên đơn trình bày tại phiên tòa phúc thẩm: Không nhất trí với nội dung kháng cáo bản án của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên không đưa chị Ma Thị Thúy T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót. Tuy nhiên đã tiến hành thu thập có Bản tự khai của chị T, nên không ảnh hưởng đến bản chất của vụ án.

Đối với Tòa án tỉnh: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự trong vụ án đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn là hợp lệ trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua tranh tụng tại phiên tòa xác định trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến năm 2020 chị Hoàng Thị N, anh Chu Quang H1 đã vay tiền của chị Đỗ Thị H nhiều lần, ngày 30/12/2020 anh H1, chị N đã viết Giấy khất nợ chị H với số tiền là 592.000.000 đồng hẹn đến ngày 01/9/2021 thanh toán nợ cho chị H. Sau khi khất nợ, anh H1, chị N đã thanh toán cho chị H được 50.000.000 đồng tiền gốc, trong đó ngày 12/9/2022 thanh toán số tiền 10.000.000 đồng, ngày 23/9/2023 thanh toán số tiền 40.000.000 đồng; còn nợ lại số tiền gốc 542.000.000 đồng. Nguyên đơn chị Đỗ Thị H yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc và tiền lãi theo từng thời điểm sau khi đã thanh toán một phần nợ gốc. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn số tiền gốc 542.000.000 đồng, số tiền lãi là 204.370.000 đồng, tổng số tiền là 746.370.000 đồng và buộc bị đơn anh Chu Quang H1, chị Hoàng Thị N mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ trách nhiệm với số tiền là 373.185.000 đồng là có căn cứ. Xét thấy kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo bản án của bị đơn anh Chu Quang H1 và chị Hoàng Thị N, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 10/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn anh Chu Quang H1 và chị Hoàng Thị N do kháng cáo không được chấp nhận, nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 17/4/2025, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của bị đơn anh Chu Quang H1 kháng cáo không đồng ý với toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 10/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Ngày 25/4/2025, bị đơn chị Hoàng Thị N gửi đơn kháng cáo bản án qua dịch bưu chính đến Tòa án không đồng ý với toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 10/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Đơn kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định theo quy định tại Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật, nên đơn kháng cáo được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo: Bị đơn anh Chu Quang H1, chị Hoàng Thị N kháng cáo không nhất trí với bản án dân sự sơ thẩm, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, có nhiều điểm chưa được xem xét đầy đủ, khách quan, đúng pháp luật. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, giải quyết lại vụ án theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 30/10/2024, Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang nhận được đơn của chị Đỗ Thị H khởi kiện đối với anh Chu Quang H1 và chị Hoàng Thị N yêu cầu thanh toán số tiền 592.000.000 đồng kèm theo lãi suất chậm trả theo Giấy khất nợ lập ngày 30/12/2020, hẹn trả nợ đến ngày 01/9/2021. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm các đương sự đều xác nhận có việc trả nợ gốc 10.000.000 đồng vào ngày 12/9/2022 và 40.000.000 đồng vào ngày 23/9/2023; căn cứ vào các Điều 157, 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015, xác định thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự về tranh chấp vay tài sản vẫn còn theo quy định. Căn cứ theo Giấy khất nợ người vay đứng tên Chu Quang H1, vợ thừa kế Hoàng Thị N lập ngày 30/12/2020, chữ viết trong giấy khất nợ, chữ ký người vay do anh Chu Quang H1 thực hiện; vợ thừa kế là chữ ký, chữ viết là của chị Hoàng Thị N. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc 542.000.000 đồng; lãi suất chậm trả với các giai đoạn cụ thể như: Từ ngày 02/9/2021 đến ngày 12/9/2022, từ ngày 13/9/2022 đến ngày 23/9/2023, từ ngày 24/9/2023 đến ngày 10/4/2025 (xét xử sơ thẩm) số tiền lãi là 204.370.000 đồng.

Tổng số tiền là 746.370.000 đồng và buộc bị đơn anh Chu Quang H1, chị Hoàng Thị N mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ trách nhiệm với số tiền là 373.185.000 đồng.

Xét thấy cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn xuất trình được các chứng cứ mới gồm: *01 bản sao giao dịch chuyển tiền của Phòng G, Chi nhánh H3 của Ngân hàng Thương mại cổ phần C, giao dịch số 130 ngày 04/5/2020 thể hiện: Người chuyển tiền Ma Thị Thúy T, người thụ hưởng Hoàng Thị N, số tiền 40.000.000 đồng, nội dung: Hương N3 chuyển tiền. 02 bản sao kê chi tiết tên khách hàng chủ tài khoản Chu Quang H1 của Ngân hàng L1 (01 bản từ 01/01/2019 đến 31/12/2019 và 01 bản từ 01/01/2020 đến 31/12/2020)*, theo bị đơn xác định các chứng cứ mới trên xác định thể hiện trong các năm 2019, 2020 bị đơn chưa lần nào được nhận tiền vay của chị H. Tuy nhiên, các tài liệu, chứng cứ mà bị đơn cung cấp tại cấp phúc thẩm không đủ căn cứ chứng minh xác định việc thực hiện thanh toán tiền của bị đơn với nguyên đơn. Tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm anh Chu Quang H1 đều xác định, thừa nhận Giấy khát nợ lập ngày 30/12/2020 chữ viết, chữ ký chỗ người vay là do chính anh H1 thực hiện; tại cấp phúc thẩm chị N xác nhận, thừa nhận chữ viết vợ thừa kế, chữ ký, chữ viết Hoàng Thị N là do chị thực hiện; ngoài ra tại biên bản hòa giải tại cấp sơ thẩm ngày 12/11/2024 (bút lục số 40) chị N có nêu “...Đối với số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) và 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) mà tôi trả, tôi thừa nhận là tôi có trả số tiền này vào ngày 12/9/2022 và vào ngày 23/9/2023. Tôi trả số tiền này là vào số tiền gốc chứ không trả lãi. Tiền lãi tôi trả 1 số lần và đều ghi vào sổ chị H. Nay, trước yêu cầu khởi kiện của chị H, tôi không đồng ý”.... Anh Chu Quang H1 và chị Hoàng Thị N không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc thanh toán số tiền nợ theo Giấy khát nợ mà nguyên đơn cung cấp. Do đó, không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn anh Chu Quang H1 và chị Hoàng Thị N, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 10/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (nay thuộc Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang) như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại phiên tòa phúc thẩm.

[3]. Đối với nội dung người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn và bị đơn xác định cấp sơ thẩm vi phạm trong việc xác định thiếu thành phần tham gia tố tụng, không đưa chị Ma Thị Thúy T tham gia trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm không đưa chị Ma Thị Thúy T vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có thiếu sót. Tuy nhiên, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, cấp sơ thẩm đã tiến hành các hoạt động tố tụng được lưu hồ sơ vụ án như: Bản tự khai của chị Ma

Thị Thúy T ngày 12/12/2024 (bút lục số 42), Đơn đề nghị ngày 31/12/2024 của chị Ma Thị Thúy T, chị T có đơn đề nghị không triệu tập, không đưa chị vào tham gia tố tụng trong vụ án (bút lục số 45a). Cấp sơ thẩm khi thụ lý, giải quyết, thu thập chứng cứ có tài liệu thể hiện ý kiến của người liên quan (được Hội đồng xét xử sơ thẩm nêu tại các trang 3, 4 của bản án). Xét thấy mặc dù tuy cấp sơ thẩm khi giải quyết vụ án đã xác định và đưa thiếu thành phần tham gia tố tụng trong vụ án, tuy nhiên đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ có bản tự khai thể hiện ý kiến, quan điểm của người liên quan trong vụ án; nội dung này không làm không làm thay đổi bản chất khách quan của vụ án. Do đó không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm do xác định thiếu thành phần tham gia tố tụng (nội dung này cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong quá trình giải quyết các vụ án khác). Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định không cần thiết phải hủy án sơ thẩm theo ý kiến đề nghị của luật sư người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn như nhận định đã nêu trên.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo bản án của bị đơn anh Chu Quang H1 và chị Hoàng Thị N không chấp nhận, nên anh H1, chị N phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh H1, chị N đã nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự.

[5]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 1684/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Tuyên Quang năm 2025; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Không chấp nhận nội dung kháng cáo bản án sơ thẩm của bị đơn anh Chu Quang H1 và chị Hoàng Thị N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 10/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (*nay thuộc Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang*) như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 161, 227, 235, 244, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị H: Buộc anh Chu Quang H1 và chị Hoàng Thị N có nghĩa vụ trả cho chị Đỗ Thị H tổng số tiền: 746.370.000đ (*Bảy trăm bốn mươi sáu triệu, ba trăm bảy mươi nghìn đồng*), trong đó: số tiền nợ gốc 542.000.000đ (*Năm trăm bốn mươi hai triệu đồng*) và tiền lãi là 204.370.000đ (*Hai trăm linh tư triệu, ba trăm bảy mươi nghìn đồng*). Cụ thể:

- Anh Chu Quang H1 phải trả cho chị Đỗ Thị H tổng số tiền là 373.185.000đ (*Ba trăm bảy mươi ba triệu, một trăm tám mươi lăm nghìn đồng*), trong đó nợ gốc là 271.000.000đ (*Hai trăm bảy mươi mốt triệu đồng*), nợ lãi là 102.185.000đ (*Một trăm linh hai triệu, một trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

- Chị Hoàng Thị N phải trả cho chị Đỗ Thị H tổng số tiền là 373.185.000đ (*Ba trăm bảy mươi ba triệu, một trăm tám mươi lăm nghìn đồng*), trong đó nợ gốc là 271.000.000đ (*Hai trăm bảy mươi mốt triệu đồng*), nợ lãi là 102.185.000đ (*Một trăm linh hai triệu, một trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

Khoản tiền phải trả kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án chị Đỗ Thị H cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, nếu người phải thi hành án anh Chu Quang H1, chị Hoàng Thị N chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng: Anh Chu Quang H1 và chị Hoàng Thị N có nghĩa vụ hoàn trả lại cho chị Đỗ Thị H số tiền chi phí giám định là 3.870.000đ (*Ba triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng*). Cụ thể:

Anh Chu Quang H1 có nghĩa vụ hoàn trả lại cho chị Đỗ Thị H số tiền chi phí giám định là 1.935.000đ (*Một triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng*).

Chị Hoàng Thị N có nghĩa vụ hoàn trả lại cho chị Đỗ Thị H số tiền chi phí giám định là 1.935.000đ (*Một triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng*).

3. Về án phí:

- Nguyên đơn chị Đỗ Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Hoàn trả lại cho chị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.459.000đ (*Mười bảy triệu bốn trăm năm mươi chín đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002861, ngày 13/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (*nay thuộc Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Tuyên*

Quang); (nộp theo hình thức trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia ngày 12/11/2024).

- Bị đơn anh Chu Quang H1 phải chịu 18.659.250đ (*Mười tám triệu sáu trăm năm chín nghìn hai trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Bị đơn chị Hoàng Thị N4 m phải chịu 18.659.250đ (*Mười tám triệu, sáu trăm năm chín nghìn, hai trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn anh Chu Quang H1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002902 ngày 12/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (*nay thuộc Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Tuyên Quang*), anh H1 đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bị đơn chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002901 ngày 12/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (*nay thuộc Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Tuyên Quang*), chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 31/7/2025.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại HN;
- Viện công tố và KS XXPT tại HN;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND khu vực 2;
- THADS Tuyên Quang;
- Phòng THADS khu vực 2;
- Đường sự, người BVQLHP của DS;
- Lưu VPTA (HCTP);
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phúc An Hoàng